

Bài thực hành số 1

Cho lược đồ cơ sở dữ liệu sau:

Khuvuc(IP, **tenKhu**vuc, tang)

Phòng (MP, tenphong, somay , IP)

Máy (**idM**ay, tenmay, IP, ad, id/loai, MP)

Phanmem(**idP**M, tenPM, ngaymua, version, id/loai, gia)

Caidat (**id**, idMay, idPM, ngaycai)

Loai (**idloai**, tenloai)

Viết script hoten_bt1.sql bao gồm các câu trả lời cho các câu hỏi sau :

- Tạo các bảng cho lược đồ CSDL trên, chú ý định nghĩa các khóa chính, khóa ngoại, các ràng buộc NULL, NOT NULL, miền trị và giá trị mặc định sau :
 - Tên của các khu vực, phòng, máy, phần mềm, loại không NULL
 - Miền giá trị của cột ad có giá trị từ 0 đến 255
 - Cột giá lớn hơn hoặc bằng 0
 - Cột ngaycai có giá trị mặc định là ngày hiện tại
- Thêm các dữ liệu trong các bảng sau cho các bảng vừa tạo ở câu 1

Khuvuc	IP	tenkhuvuc	tang
	130.120.80	Brin RDC	
	130.120.81	Brin tang 1	
	130.120.82	Brin tang 2	

Phong	MP	tenphong	somay	IP
s01		Salle 1	3	130.120.80
s02		Salle 2	2	130.120.80
s03		Salle 3	2	130.120.80
s11		Salle 11	2	130.120.81
s12		Salle 12	1	130.120.81
s21		Salle 21	2	130.120.82
s22		Salle 22	0	130.120.83
s23		Salle 23	0	130.120.83

Máy	idMay	tenmay	IP	ad	idLoai	MP
p1		Poste 1	130.120.80	01	TX	s01
p2		Poste 2	130.120.80	02	UNIX	s01
p3		Poste 3	130.120.80	03	TX	s01
p4		Poste 4	130.120.80	04	PCWS	s02
p5		Poste 5	130.120.80	05	PCWS	s02
p6		Poste 6	130.120.80	06	UNIX	s03
p7		Poste 7	130.120.80	07	TX	s03
p8		Poste 8	130.120.81	01	UNIX	s11
p9		Poste 9	130.120.81	02	TX	s11
p10		Poste 10	130.120.81	03	UNIX	s12
p11		Poste 11	130.120.82	01	PCNT	s21
p12		Poste 12	130.120.82	02	PCWS	s21

Phanmem	idPM	tenPM	ngaymua	version	idloai	gia
	log1	Oracle 6	1995-05-13	6.2	UNIX	3000
	log2	Oracle 8	1999-09-15	8i	UNIX	5600
	log3	SQL Server	1998-04-12	7	PCNT	2700
	log4	Front Page	1997-06-03	5	PCWS	500
	log5	WinDev	1997-05-12	5	PCWS	750
	log6	SQL*Net		2.0	UNIX	500
	log7	I. I. S.	2002-04-12	2	PCNT	810
	log8	DreamWeaver	2003-09-21	2.0	BeOS	1400

Loai	idLoai	tenloai
	TX	Terminal X-Window
	UNIX	Système Unix
	PCNT	PC Windows NT
	PCWS	PC Windows
	NC	Network Computer

Caidat	idMay	idPM	id	ngaycai
	p2	log1	1	2003-05-15
	p2	log2	2	2003-09-17
	p4	log5	3	
	p6	log6	4	2003-05-20
	p6	log1	5	2003-05-20
	p8	log2	6	2003-05-19
	p8	log6	7	2003-05-20
	p11	log3	8	2003-04-20
	p12	log4	9	2003-04-20
	p11	log7	10	2003-04-20
	p7	log7	11	2002-04-01

- 3) Sửa đổi cột *tang* của bảng Khu vực để có số tầng đúng. Nghĩa là 0 cho 130.120.80, 1 cho 130.120.81, 2 cho 130.120.82.
- 4) Giảm 10% giá của các phần mềm kiểu 'PCNT'.
- 5) Thêm cột *nbLog* (số phần mềm mỗi máy) kiểu SMALLINT vào trong bảng May và cột *nbInstall* (số lần cài đặt mỗi phần mềm) kiểu SMALLINT vào trong bảng Phần mềm. Cập nhật 2 cột này những giá trị sau:

idPM	nbInstall	idMay	nbLog
log1	2	p1	0
log2	2	p2	2
log3	1	p3	0
log4	1	p4	1
log5	1	p5	0
log6	2	p6	2
log7	2	p7	1
		p8	2
		p9	0
		p10	0
		p11	2
		p12	1

- 6) Tạo bảng PhanmemUNIX(idPM, tenPM, ngaymua, version) có cấu trúc dữ liệu tương tự như bảng Phanmem đã tạo.
- 7) Thêm Khóa chính idPM cho bảng PhanmemUNIX vừa tạo
- 8) Thêm cột giá cho bảng vừa tạo
- 9) Thay đổi kiểu cho cột version thành VARCHAR (15) cho bảng PhanmemUNIX vừa tạo
- 10) Thêm ràng buộc duy nhất cho cột tên phần mềm cho bảng PhanmemUNIX vừa tạo
- 11) Thêm dữ liệu cho bảng PhanmemUNIX bằng cách lấy dữ liệu từ bảng Phanmem
- 12) Xóa cột version khỏi bảng PhanmemUNIX
- 13) Xóa các phần mềm trong bảng phần mềm có giá lớn hơn 5000 ? Giải thích kết quả
- 14) Xóa các phần mềm trong bảng phanmemUNIX có giá lớn hơn 5000 ? Giải thích kết quả
- 15) Xóa bảng Phanmem ? Giải thích kết quả
- 16) Xóa bảng PhanmemUNIX ? Giải thích kết quả
- 17) Xóa các cột nbLog và nbInstall